TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2025/KDTM-ST
Ngày 10-12-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Hải Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Phương.

2. Bà Bùi Thị Thuý Lan.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Việt Hà - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thuý An – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 04/2025/TLST-KDTM ngày 11 tháng 7 năm 2025 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2025/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 10 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 39/2025/QĐST- KDTM ngày 10 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP V (V1); Trụ sở: Số H L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội nay là phường Đ, Thành phố Hà Nội. Địa chỉ liên lạc: Tầng A, Tòa nhà A - Số I C, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Cảnh H, sinh năm 1988; Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà A - Số I C, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; Là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 01/3/2025). Ông H có mặt.

- *Bị đơn*: Công ty Cổ phần N; Trụ sở: Số C Đại lộ B, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Nguyễn Minh T – Tổng giám đốc. Ông T có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1983; Thường trú: Số D, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai nay là phường T, tỉnh Đồng Nai. Địa chỉ liên hệ: Số C Đại lộ B, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; Ông T có mặt.

2. Ông Phạm Nguyễn Nghi T1, sinh năm 1974 và bà Trương Thị Tường U, sinh năm 1976; Cùng địa chỉ: Số H, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai nay là phường T, tỉnh Đồng Nai; Ông T1, bà U vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt.

3. Ông Bùi Phước T2, sinh năm 1975; Thường trú: Số A, Tổ A, khu phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai nay là phường T, tỉnh Đồng Nai; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 24/3/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V trình bày:*

Công ty Cổ phần N vay vốn tại Ngân hàng TMCP V để phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần N thông qua các Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và các văn kiện tín dụng khác cụ thể như sau:

- Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng TDC/23009 ngày 23/02/2023 kèm theo các khế ước nhận nợ:

+ Khế ước nhận nợ 110124-2570807-ONL-25; Số tiền vay 1.000.000.000 đồng; Thời hạn vay: 05 Tháng; Lãi suất/năm: Cố định một tháng 8%/năm, điều chỉnh một tháng/lần = lãi suất bán vốn + biên độ 2%/năm; Ngày giải ngân 11/01/2024; Ngày đến hạn 11/6/2024.

+ Khế ước nhận nợ 110124-2570807-ONL-26; Số tiền vay 980.000.000 đồng; Thời hạn vay: 05 Tháng; Lãi suất/năm: Cố định một tháng 8%/năm, điều chỉnh một tháng/lần = lãi suất bán vốn + biên độ 2%/năm; Ngày giải ngân 12/01/2024; Ngày đến hạn 12/6/2024.

+ Khế ước nhận nợ 220124-2570807-ONL-28; Số tiền vay 2.556.500.000đồng; Thời hạn vay: 05 Tháng; Lãi suất/năm: Cố định một tháng 8%/năm, điều chỉnh một tháng/lần = lãi suất bán vốn + biên độ 2%/năm; Ngày giải ngân 22/01/2024; Ngày đến hạn 22/6/2024.

+ Khế ước nhận nợ 250124-2570807-ONL-29; Số tiền vay 450.000.000đồng; Thời hạn vay: 05 Tháng; Lãi suất/năm: Cố định một tháng 8%/năm, điều chỉnh một tháng/lần = lãi suất bán vốn + biên độ 2%/năm; Ngày giải ngân 25/01/2024; Ngày đến hạn 25/6/2024.

+ Khế ước nhận nợ 260124-2570807-ONL-30; Số tiền vay 800.000.000 đồng; Thời hạn vay: 05 Tháng; Lãi suất/năm: Cố định một tháng 8%/năm, điều chỉnh một tháng/lần = lãi suất bán vốn + biên độ 2%/năm; Ngày giải ngân 26/01/2024; Ngày đến hạn 26/6/2024.

+ Khế ước nhận nợ 300124-2570807-ONL-31; Số tiền vay 705.000.000 đồng; Thời hạn vay: 05 Tháng; Lãi suất/năm: Cố định một tháng 8%/năm, điều chỉnh một tháng/lần = lãi suất bán vốn + biên độ 2%/năm; Ngày giải ngân 30/01/2024; Ngày đến hạn 30/6/2024.

+ Khế ước nhận nợ 310124-2570807-ONL-32; Số tiền vay 540.620.000 đồng; Thời hạn vay: 05 Tháng; Lãi suất/năm: Cố định một tháng 7.8%/năm, điều chỉnh một tháng/lần = lãi suất bán vốn + biên độ 2%/năm; Ngày giải ngân 31/01/2024; Ngày đến hạn 30/6/2024.

+ Khế ước nhận nợ 020224-2570807-ONL-33; Số tiền vay 459.808.000đồng; Thời hạn vay: 05 Tháng; Lãi suất/năm: Cố định một tháng 7.8%/năm, điều chỉnh một tháng/lần = lãi suất bán vốn + biên độ 2%/năm; Ngày giải ngân 02/02/2024; Ngày đến hạn 02/7/2024.

+ Khế ước nhận nợ 200224-2570807-ONL-34; Số tiền vay 540.000.000 đồng; Thời hạn vay: 05 Tháng; Lãi suất/năm: Cố định một tháng 7.8%/năm, điều chỉnh một tháng/lần = lãi suất bán vốn + biên độ 2%/năm; Ngày giải ngân 21/02/2024; Ngày đến hạn 21/7/2024.

+ Khế ước nhận nợ 210224-2570807-ONL-35; Số tiền vay 1.218.000.000 đồng; Thời hạn vay: 05 Tháng; Lãi suất/năm: Cố định một tháng 7.8%/năm, điều chỉnh một tháng/lần = lãi suất bán vốn + biên độ 2%/năm; Ngày giải ngân 21/02/2024; Ngày đến hạn 21/7/2024.

+ Khế ước nhận nợ 210224-2570807-ONL-36; Số tiền vay 2.248.000.000 đồng; Thời hạn vay: 05 Tháng; Lãi suất/năm: Cố định một tháng 7.8%/năm, điều chỉnh một tháng/lần = lãi suất bán vốn + biên độ 2%/năm; Ngày giải ngân 21/02/2024; Ngày đến hạn 21/7/2024.

+ Khế ước nhận nợ 220224-2570807-ONL-38; Số tiền vay 2.084.000.000 đồng; Thời hạn vay: 05 Tháng; Lãi suất/năm: Cố định một tháng 7.8%/năm, điều chỉnh một tháng/lần = lãi suất bán vốn + biên độ 2%/năm; Ngày giải ngân 22/02/2024; Ngày đến hạn 22/7/2024.

+ Khế ước nhận nợ 220224-2570807-ONL-39; Số tiền vay 1.900.500.000 đồng; Thời hạn vay: 05 Tháng; Lãi suất/năm: Cố định một tháng 7.8%/năm, điều chỉnh một tháng/lần = lãi suất bán vốn + biên độ 2%/năm; Ngày giải ngân 23/02/2024; Ngày đến hạn 23/7/2024.

+ Khế ước nhận nợ 220224-2570807-ONL-40; Số tiền vay 870.912.000 đồng; Thời hạn vay: 05 Tháng; Lãi suất/năm: Cố định một tháng 7.8%/năm, điều chỉnh một tháng/lần = lãi suất bán vốn + biên độ 2%/năm; Ngày giải ngân 23/02/2024; Ngày đến hạn 23/7/2024.

+ Khế ước nhận nợ 220224-2570807-ONL-41; Số tiền vay 1.216.160.000 đồng; Thời hạn vay: 05 Tháng; Lãi suất/năm: Cố định một tháng 7.8%/năm, điều chỉnh một tháng/lần = lãi suất bán vốn + biên độ 2%/năm; Ngày giải ngân 23/02/2024; Ngày đến hạn 23/7/2024.

+ Khế ước nhận nợ 220224-2570807-ONL-42; Số tiền vay 512.000.000 đồng; Thời hạn vay: 05 Tháng; Lãi suất/năm: Cố định một tháng 7.8%/năm, điều

chỉnh một tháng/lần = lãi suất bán vốn + biên độ 2%/năm; Ngày giải ngân 23/02/2024; Ngày đến hạn 23/7/2024.

Tổng cộng: 18.081.500.000 đồng (mười tám tỷ không trăm tám mươi mốt triệu năm trăm ngàn đồng).

- Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng CLC-14849-01 ngày 04/04/2024, kèm theo các khế ước nhận nợ:

+ Khế ước nhận nợ 050424-2570807-ONL-43; Số tiền vay 493.562.160 đồng; Thời hạn vay: 05 Tháng; Lãi suất/năm: Cố định một tháng 6.6%/năm, điều chỉnh một tháng/lần = lãi suất bán vốn + biên độ 2%/năm; Ngày giải ngân 05/4/2024; Ngày đến hạn 05/9/2024.

+ Khế ước nhận nợ 160424-2570807-ONL-44; Số tiền vay 1.110.000.000 đồng; Thời hạn vay: 05 Tháng; Lãi suất/năm: Cố định một tháng 6.9%/năm, điều chỉnh một tháng/lần = lãi suất bán vốn + biên độ 2%/năm; Ngày giải ngân 16/4/2024; Ngày đến hạn 16/9/2024.

Tổng cộng: 1.603.562.160 đồng (Một tỷ sáu trăm lẻ ba triệu năm trăm sáu mươi hai ngàn một trăm sáu mươi đồng).

- Hợp đồng cho vay số: TDC-20128/HDTD ngày 30/12/2020, kèm theo khế ước nhận nợ: TDC/20128/HDTD-01; Số tiền vay 3.313.992.000đồng; Thời hạn vay: 48 Tháng; Lãi suất/năm: Cố định 12 tháng 8.3%/năm điều chỉnh 03 tháng một lần = lãi suất huy động bằng VND thông thường kỳ hạn 12 tháng, tính lãi cuối kỳ với mức tiền gửi cao nhất của khối SME của bên ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng với biên độ 5.8%/năm; Ngày giải ngân 30/12/2020; Ngày đến hạn 30/12/2024.

Tổng cộng: 3.313.992.000 đồng (Ba tỷ ba trăm mười ba triệu chín trăm chín mươi hai ngàn đồng).

- Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi tài khoản số: CLC-14849-02 ngày 20/3/2024: hạn mức 3.000.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất trong hạn 15.5%/năm;

- Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành thẻ tín dụng quốc tế dành cho doanh nghiệp, ký ngày 01/3/2023; Hạn mức 310.601.545 đồng;

Để bảo đảm cho các khoản vay trên, Ngân hàng TMCP V và các bên đã thống nhất áp dụng biện pháp bảo đảm sau:

- Thế chấp Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 165, tờ bản đồ số 35, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CI 383660 số vào sổ: CS 07202 đứng tên ông Phạm Nguyễn Nghi T1 và bà Trương Thị Tường U.

- Thế chấp Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 166, tờ bản đồ số 35, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác

gắn liền với đất số: AĐ 816565 số vào sổ: T00719 đứng tên ông Phạm Nguyễn Nghi T1 và bà Trương Thị Tường U.

- Thế chấp xe ô tô con, nhãn hiệu MG, số loại ZS , số khung: 4U66LZ140807, số máy C5AGL6230470, Biển kiểm soát: 51H-695.38 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố H cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 621058 theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số TCD/20128/HDTC ngày 30/12/2020 và đăng ký biện pháp bảo đảm ngày 30/12/2020.

- Bảo lãnh bằng toàn bộ uy tín, tài sản và trách nhiệm của ông Nguyễn Minh T, ông Phạm Nguyễn Nghi T1, ông Bùi Phước T2 trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai, bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại, các khoản phải hoàn trả và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty Cổ phần N đối với Ngân hàng TMCP V phát sinh từ tất cả các Văn kiện tín dụng (bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, khế ước nhận nợ, đề nghị phát hành bảo lãnh, đề nghị phát hành L, đề nghị chiết khấu và các văn bản liên quan khác (nếu có)) được xác lập bởi Bên Được Bảo Lãnh và/hoặc được ký kết giữa Bên Được Bảo Lãnh với Bên Ngân Hàng và bên liên quan khác (nếu có) theo các Hợp đồng bảo lãnh số: ELOS-23796/24/SME/BLCN-01 ngày 20/3/2024; TDC/23009/HĐBL ngày 23/02/2023; CLC-14849-2570807-C-03 ngày 20/3/2024;

Quá trình thực hiện Hợp đồng Công ty Cổ phần N đã thanh toán được số tiền nợ gốc là 4.299.495.872 đồng và nợ lãi là 964.799.574 đồng. Sau đó, Công ty Cổ phần N đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ và toàn bộ khoản vay đã chuyển thành nợ quá hạn từ ngày 25/5/2024. Ngân hàng TMCP V đã nhiều lần liên hệ và làm việc với Công ty Cổ phần N, Người bảo lãnh khoản vay để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng Công ty Cổ phần N, Người bảo lãnh khoản vay không hợp tác để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V.

Ngày 09/9/2025, trong quá trình yêu cầu khởi kiện, Chủ tài sản là ông Phạm Nguyễn Nghi T1 và bà Trương Thị Tường U đã nộp số tiền 19.500.000.000 đồng (Mười chín tỷ năm trăm triệu đồng) để giải chấp tài sản. Sau khi thu nợ, Ngân hàng TMCP V đã giải chấp tài sản và giao trả bản chính Giấy chứng nhận đối với tài sản bảo đảo là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số: 165, tờ bản đồ số 35, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CI 383660 số vào sổ: CS 07202 và Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 166, tờ bản đồ số 35, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: AĐ 816565 số vào sổ: T00719;

Tính đến ngày 10/12/2025, dư nợ của Công ty Cổ phần N tại Ngân hàng TMCP V là:

- Nợ gốc quá hạn là: 2.145.437.755 đồng

- Nợ lãi quá hạn là: 3.840.983.695 đồng

- Lãi chậm trả lãi là: 23.803.858 đồng

Tổng cộng là: 6.010.225.308 đồng (Sáu tỷ không trăm mười triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn ba trăm lẻ tám đồng).

Nay Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết:

1. Buộc Công ty Cổ phần N phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V toàn bộ số nợ gốc và lãi tính đến ngày 10/12/2025 với số tiền là:

- Nợ gốc quá hạn là: 2.145.437.755 đồng

- Nợ lãi quá hạn là: 3.840.983.695 đồng

- Lãi chậm trả lãi là: 23.803.858 đồng

Tổng cộng là: 6.010.225.308 đồng (Sáu tỷ không trăm mười triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn ba trăm lẻ tám đồng).

Kể từ ngày 11/12/2025, Công ty Cổ phần N vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn, lãi chậm trả theo các hợp đồng tín dụng, các khế ước nhận nợ, các văn kiện tín dụng liên quan đã ký với Ngân hàng TMCP V cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ.

2. Trường hợp Công ty Cổ Phần N không thanh toán được khoản nợ thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP V, bao gồm: Xe ô tô con, nhãn hiệu MG, số loại ZS, số khung: 4U66LZ140807, số máy C5AGL6230470, Biển kiểm soát: 51H-695.38 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố H cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 621058;

3. Trường hợp Công ty Cổ Phần N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V thì ông Nguyễn Minh T, ông Phạm Nguyễn Nghi T1, ông Bùi Phước T2 có trách nhiệm liên đới thanh toán toàn bộ khoản nợ trên theo các Hợp đồng bảo lãnh số: ELOS-23796/24/SME/BLCN-01 ngày 20/3/2024; TDC/23009/HĐBL ngày 23/02/2023; CLC-14849-2570807-C-03 ngày 20/3/2024;

Về án phí, chi phí tố tụng đề nghị Toà án tuyên buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đối với tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 165, tờ bản đồ số 35, phường T, B, Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sỡ hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CI 383660 số vào sổ: CS 07202 và Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liến với đất tại thửa đất số 166, tờ bản đồ số 35, phường T, B, Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: AĐ 816565 số vào sổ: T00719, Ngân hàng TMCP V và chủ tài sản là ông Phạm Nguyễn Nghi T1 và bà Trương Thị Tường U đã xử lý xong nên ngày 12/9/2025 Ngân hàng TMCP V đã có đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu Toà án giải quyết đối với tài sản thế chấp này.

Tại phiên toà, Công ty Cổ phần N và cá nhân ông Nguyễn Minh T nhận trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ cho ngân hàng và đề nghị ngân hàng

không yêu cầu ông Phạm Nguyễn Nghi T1, ông Bùi Phước T2 có trách nhiệm liên đới thanh toán các khoản nợ của Công ty Cổ phần N thì ngân hàng không đồng ý vì việc các bên ký các hợp đồng bảo lãnh là phù hợp quy định nên phải có trách nhiệm.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà ông Nguyễn Minh T là người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty Cổ phần N trình bày*:

Ông T và ông Bùi Phước T2, ông Phạm Nguyễn Nghi T1 là bạn bè, có góp vốn kinh doanh vào Công ty Cổ phần N. Ông T là đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần N. Bà Trương Thị Tường U là vợ của ông Phạm Nguyễn Nghi T1, vợ chồng ông T1 và bà U có sử dụng các tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay của Công ty Cổ phần N.

Công ty Cổ phần N và Ngân hàng TMCP V ký với nhau hợp đồng tín dụng cụ thể như sau: Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số TDC/23009 ngày 23/02/2023; Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số CLC-14849-01 ngày 04/4/2024; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng doanh nghiệp ngày 01/3/2023; Hợp đồng cho vay số TDC/20128/HDTD ngày 30/12/2020; Hợp đồng hạn mức thấu chi tài khoản số: CLC-14849-02 ngày 20/3/2024; Mục đích vay vốn tại Ngân hàng TMCP V để phục vụ hoạt động kinh doanh ô tô của Công ty Cổ phần N.

Thực hiện hợp đồng Ngân hàng TMCP V đã giải ngân cho Công ty Cổ phần N số tiền như đại diện nguyên trình bày.

Để đảm bảo cho khoản vay của Công ty Cổ phần N tại Ngân hàng TMCP V thì vợ chồng ông T1, bà U đã thế chấp tài sản là:

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 165, tờ bản đồ số 35, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CI 383660 số vào sổ: CS 07202;

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 166, tờ bản đồ số 35, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sỡ hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: AĐ 816565 số vào sổ: T00719;

+ Công ty Cổ phần N đã thế chấp tài sản là: Xe ô tô con, nhãn hiệu MG, số loại ZS, số khung: 4U66LZ140807, số máy C5AGL6230470, Biển kiểm soát: 51H-695.38 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố H cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 621058;

Từ khi vay cho đến nay thì Công ty Cổ phần N thực hiện nghĩa vụ trả nợ đảm bảo từ khi vay đến khoảng tháng 5/2024. Từ tháng 5/2024 thì Công ty Cổ phần N không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng do tình hình kinh doanh gặp nhiều khó khăn từ trước đó.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì Công ty Cổ phần N đồng ý về nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, Công ty cũng mong muốn ngân hàng xem xét giảm lãi.

Đối với yêu cầu của ngân hàng về thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thì Công ty Cổ phần N và cá nhân ông Nguyễn Minh T nhận trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ cho ngân hàng. Đề nghị ngân hàng không yêu cầu ông Phạm Nguyễn Nghi T1, ông Bùi Phước T2 có trách nhiệm liên đới thanh toán các khoản nợ của Công ty Cổ phần N.

Ngoài ra, bị đơn không có trình bày hay yêu cầu gì khác.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh T trình bày*:

Ông T có ký Hợp đồng bảo lãnh số: 23796/24/SME/BBLCN-01 ngày 20/03/2024 để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty Cổ phần N tại Ngân hàng TMCP V.

Ông T đồng ý yêu cầu của Ngân hàng TMCP V về việc trong trường hợp Công ty Cổ Phần N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V thì ông Nguyễn Minh T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Công ty Cổ Phần N theo Hợp đồng bảo lãnh số: ELOS-23796/24/SME/BLCN-01 đã ký ngày 20/3/2024.

Ngoài ra, ông T không có trình bày hay yêu cầu gì khác.

** Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Phước T2:*

Quá trình giải quyết tại bản tự khai ngày 30/7/2025 ông T2 đề nghị Toà án gia hạn cho 07 ngày kể từ ngày 30/7/2025 để cung cấp ý kiến cho Toà án. Tuy nhiên, cho đến tại phiên toà (ngày 10/12/2025) ông T2 không cung cấp cho Toà án bản ý kiến cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án không thu thập được ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Phước T2.

** Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Nguyễn Nghi T1 trình bày*:

Ông Phạm Nguyễn Nghi T1 và ông Nguyễn Minh T, ông Bùi Phước T2 có góp vốn kinh doanh vào Công ty Cổ phần N. Còn hoạt động điều hành và đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Minh T. Bà Trương Thị Tường U là vợ của ông T1 là chủ tài sản thế chấp trong vụ án.

Để đảm bảo cho khoản vay của Công ty Cổ phần N tại Ngân hàng TMCP V thì vợ chồng ông T1, bà U có ký Hợp đồng thế chấp số TDC/23009/HDTC ngày 23/02/2023 với Ngân hàng TMCP V. Theo đó, vợ chồng ông T1, bà U dùng tài sản là Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 165, tờ bản đồ số 35, phường T, B, Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CI 383660 số vào sổ: CS 07202 và thửa đất số 166, tờ bản đồ số 35, phường T, B, Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài

sản khác gắn liền với đất số: AĐ 816565 số vào sổ: T00719 để thế chấp cho Ngân hàng TMCP V.

Ngày 05/9/2025, vợ chồng ông T1 bà U đã bàn giao tài sản thế chấp cho ngân hàng xử lý, số tiền thu được là 19.500.000.000 đồng đã được trừ vào dư nợ của Công ty Cổ phần N. Do đó, bà U không còn liên quan gì đến khoản vay của Công ty Cổ phần N tại Ngân hàng TMCP V.

Ngoài ra, ông Phạm Nguyễn Nghi T1 có ký Hợp đồng bảo lãnh số: TDC/23009/HĐBL ngày 23/02/2023 với Ngân hàng TMCP V để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty Cổ phần N tại Ngân hàng TMCP V.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP V thì ông thống nhất. Ngoài ra, ông T1 không có ý kiến gì khác và xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

** Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Tường U trình bày:*

Do hai vợ chồng bà U đã bàn giao tài sản thế chấp cho ngân hàng xử lý khoản vay. Phía Ngân hàng TMCP V cũng đã rút một phần yêu cầu khởi kiện liên quan đến bà U nên bà U xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Ngoài ra, bà U không có ý kiến gì khác.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Phước T2 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung về thủ tục tố tụng.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét và thẩm tra công khai tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty Cổ phần N thanh toán nợ gốc, nợ lãi, lãi chậm trả đối với khoản vay theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng TDC/23009 ngày 23/02/2023; Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng CLC-14849-01 ngày 04/4/2024; Hợp đồng cho vay số: TDC-20128/HDTD ngày 30/12/2020; Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi tài khoản số:

CLC-14849-02 ngày 20/3/2024; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành thẻ tín dụng quốc tế dành cho doanh nghiệp ngày 01/3/2023 được ký kết giữa hai bên. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Bị đơn Công ty Cổ phần N có trụ sở chính tại: Số C Đại lộ B, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại các Điều 30, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Phước T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Nguyễn Nghi T1 và bà Trương Thị Tường U vắng mặt có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T2, ông T1, bà U.

[1.3] Đối với tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 165, tờ bản đồ số 35, phường T, B, Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CI 383660 số vào sổ: CS 07202 và Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liến với đất tại thửa đất số 166, tờ bản đồ số 35, phường T, B, Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: AĐ 816565 số vào sổ: T00719. Quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng TMCP V và chủ tài sản là ông Phạm Nguyễn Nghi T1 và bà Trương Thị Tường U đã thoả thuận xử lý xong nên ngày 12/9/2025 Ngân hàng TMCP V đã có đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu Toà án giải quyết đối với tài sản thế chấp này.

Việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về xử lý tài sản thế chấp là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 5, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử.

[2] Về nội dung vụ án:

Công ty Cổ phần N vay vốn tại Ngân hàng TMCP V để phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần N thông qua các văn kiện tín dụng cụ thể như sau: Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng TDC/23009 ngày 23/02/2023 kèm theo các khế ước nhận nợ với tổng số tiền vay là 18.081.500.000 đồng; Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng CLC-14849-01 ngày 04/4/2024, kèm theo các khế ước nhận nợ với tổng số tiền vay 1.603.562.160 đồng; Hợp đồng cho vay số: TDC-20128/HDTD ngày 30/12/2020, kèm theo khế ước nhận nợ: TDC/20128/HDTD-01 với số tiền vay là 3.313.992.000 đồng; Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi tài khoản số: CLC-14849-02 ngày 20/3/2024 với số tiền vay là 3.000.000.000 đồng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành thẻ tín dụng quốc tế dành cho doanh nghiệp, ký ngày 01/3/2023 với số tiền vay là 310.601.545 đồng;

Các văn kiện tín dụng được ký kết nêu trên giữa Ngân hàng TMCP V với Công ty Cổ phần N là tự nguyện, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc và các bên phải thực hiện.

[3] Nguyên đơn xác định tính đến ngày 10/12/2025 dư nợ của Công ty Cổ phần N tại Ngân hàng TMCP V tổng cộng là: 6.010.225.308 đồng, gồm: Nợ gốc quá hạn là: 2.145.437.755 đồng; Nợ lãi quá hạn là: 3.840.983.695 đồng; Lãi chậm trả lãi là: 23.803.858 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn Công ty Cổ phần N thống nhất với số tiền còn nợ và đồng ý thực hiện nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng TMCP V. Do đó, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn Công ty Cổ phần N thống nhất với số tiền còn nợ và đồng ý thực hiện nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng TMCP V nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận

[4] Về yêu cầu trả liền lãi:

Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*". Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Tại khoản 3, 4 Điều 2 thoả thuận về lãi suất cho vay, phí và các chi phí khác tại Phụ lục các thoả thuận cụ thể về cho vay kèm theo Thoả thuận khung về cấp tín dụng TDC/23009/TTK ngày 23/02/2023 Công ty Cổ phần N và Ngân hàng TMCP V thỏa thuận lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi trong hạn, lãi suất chậm trả bằng 150% mức lãi trong hạn nhưng không quá 10%/năm.

Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong thì bị đơn Công ty Cổ phần N phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP V các khoản lãi quá hạn, lãi chậm trả theo các hợp đồng tín dụng, các khế ước nhận nợ, các văn kiện tín dụng liên quan đã ký với Ngân hàng TMCP V cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ.

[5] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Ngày 30/12/2020, Công ty Cổ phần N và Ngân hàng TMCP V đã ký Hợp đồng thế chấp xe ô tô số TCD/20128/HDTC ngày 30/12/2020 và đăng ký biện pháp bảo đảm ngày 30/12/2020. Theo đó Công ty Cổ phần N đã thế chấp xe ô tô con, nhãn hiệu MG, số loại ZS, số khung: 4U66LZ140807, số máy C5AGL6230470, Biển kiểm soát: 51H-695.38 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố H cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 621058 cho Công ty Cổ phần N để bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ của Công ty Cổ phần N tại Ngân hàng TMCP V.

Hợp đồng thế chấp xe ô tô số TCD/20128/HDTC ngày 30/12/2020 giữa Công ty Cổ phần N và Ngân hàng TMCP V là tự nguyện, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội, việc thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật nên có hiệu lực và bắt buộc các bên phải thực hiện.

Do đó, yêu cầu của Ngân hàng TMCP V về việc xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

[6] Về thực hiện nghĩa vụ bão lãnh:

Ông Nguyễn Minh T đã ký với Ngân hàng TMCP V Hợp đồng bảo lãnh số: ELOS-23796/24/SME/BLCN-01 ngày 20/3/2024; Ông Bùi Phước T2 đã ký với Ngân hàng TMCP V Hợp đồng bảo lãnh số: CLC-14849-2570807-C-03 ngày 20/3/2024; Ông Phạm Nguyễn Nghi T1 đã ký với Ngân hàng TMCP V Hợp đồng bảo lãnh số: TDC/23009/HĐBL ngày 23/02/2023 với nội dung ông Nguyễn Minh T, ông Bùi Phước T2, ông Phạm Nguyễn Nghi T1 đồng ý bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty Cổ phần N trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP V với Công ty Cổ phần N.

Việc ông Nguyễn Minh T, ông Bùi Phước T2, ông Phạm Nguyễn Nghi T1 ký hợp đồng bảo lãnh với Ngân hàng TMCP V là phù hợp với quy định tại Điều 335, 336 Bộ luật Dân sự năm 2015. Như vậy, trường hợp Công ty Cổ phần N không thanh toán được khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V thì ông Nguyễn Minh T, ông Bùi Phước T2, ông Phạm Nguyễn Nghi T1 có trách nhiệm liên đới thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Tại phiên toà, Công ty Cổ phần N và cá nhân ông Nguyễn Minh T nhận trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ cho ngân hàng và đề nghị ngân hàng không yêu cầu ông Phạm Nguyễn Nghi T1, ông Bùi Phước T2 có trách nhiệm liên đới thanh toán các khoản nợ của Công ty Cổ phần N. Tuy nhiên, Ngân hàng TMCP V không đồng ý đề nghị của Công ty Cổ phần N và ông Nguyễn Minh T. Do đó, không có căn cứ chấp nhận đề nghị của Công ty Cổ phần N và cá nhân ông Nguyễn Minh T.

[7] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là phù hợp quy định của pháp luật.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Công ty Cổ phần N phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 30, 35, 40, 71, 92, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Điều 335, 336 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng;

Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với Công ty Cổ phần N về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

1.1. Buộc Công ty Cổ phần N phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V (V1) toàn bộ số nợ gốc và lãi tính đến ngày 10/12/2025 với số tiền là:

- Nợ gốc quá hạn là: 2.145.437.755 đồng

- Nợ lãi quá hạn là: 3.840.983.695 đồng

- Lãi chậm trả lãi là: 23.803.858 đồng

Tổng cộng là: 6.010.225.308 đồng (Sáu tỷ không trăm mười triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn ba trăm lẻ tám đồng).

Kể từ ngày 11/12/2025, Công ty Cổ phần N vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn, lãi chậm trả theo các hợp đồng tín dụng, các khế ước nhận nợ, các văn kiện tín dụng liên quan đã ký với Ngân hàng TMCP V cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ.

1.2. Trường hợp Công ty Cổ Phần N không thanh toán được khoản nợ thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP V, bao gồm: Xe ô tô con, nhãn hiệu MG, số loại ZS, số khung: 4U66LZ140807, số máy C5AGL6230470, Biển kiểm soát: 51H-695.38 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố H cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 621058;

1.3. Trường hợp Công ty Cổ Phần N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V thì ông Nguyễn Minh T, ông Phạm Nguyễn Nghi T1, ông Bùi Phước T2 có trách nhiệm liên đới thanh toán toàn bộ khoản nợ trên theo các Hợp đồng bảo lãnh số: ELOS-23796/24/SME/BBLCN-01 ngày 20/3/2024; TDC/23009/HĐBL ngày 23/02/2023; CLC-14849-2570807-C-03 ngày 20/3/2024;

2. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V về việc xử lý đối với tài sản thế chấp là:

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 165, tờ bản đồ số 35, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CI 383660 số vào sổ: CS 07202 đứng tên ông Phạm Nguyễn Nghi T1 và bà Trương Thị Tường U;

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 166, tờ bản đồ số 35, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: AĐ 816565 số vào sổ: T00719 đứng tên ông Phạm Nguyễn Nghi T1 và bà Trương Thị Tường U.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần N phải chịu số tiền 114.010.225 đồng (một trăm mười bốn triệu không trăm mười nghìn hai trăm hai mươi lăm đồng).

Trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền 66.031.133 đồng (sáu mươi sáu triệu không trăm ba mươi mốt nghìn một trăm ba mươi ba đồng) là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004376 ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương nay là Thi hành án dân sự Thành phố H.

4. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16- TP. Hồ Chí Minh;
- THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hải Nam